



zhuā bǔ

抓捕

verb · to arrest; to capture

Example Sentences

jǐng chá chéng gōng zhuā bǔ le xián yí rén
警察成功抓捕了嫌疑人。

The police successfully arrested the suspect.

tā men zhèng zài zhuā bǔ táo pǎo de dòng wù
他们正在抓捕逃跑的动物。

They are capturing the escaped animal.

Trace each character, then write the word on your own.

抓	抓	抓	抓	抓	抓	抓	抓	抓	抓
捕	捕	捕	捕	捕	捕	捕	捕	捕	捕
捕	捕								